TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhhcn@gmail.com
VILAS 557 - VIMCERTS 195

Số: 01614/2026/PKQ (KT/2606.125)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành
Địa chỉ: Đường CN6 KCN thuận thành 3, phân khu B, Phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
Địa điểm quan trắc: Đường CN6 KCN thuận thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Tên mẫu	KT8: Khí thải từ ống thải 02 hệ thống thu hồi, tái chế kim loại quý
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	05/06/2026
Thời gian thử nghiệm	07/06/2026 – 10/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19: 2009/ BTNMT
				KT/2606.125	Cột B Cmax
1	Bụi tổng(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	17,9	200
2	Asen và các hợp chất, tính theo As(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 29	<0,0090	10
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 29	<0,0050	5
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 29	<0,0050	5
5	Cacbon oxit, CO(b)	mg/Nm^3	QTHT-40	<20	1.000
6	Đồng và hợp chất, tính theo Cu(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 29	<0,0500	10
7	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn(b)	mg/Nm^3	US EPA method 29	<0,0300	30
8	Axit clohydric, HCl	mg/Nm^3	US EPA Method 26A	KPH	50
9	Lưu huỳnh đioxit, SO_2(b)	mg/Nm^3	QTHT-40	<3,4	500
10	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)(b)	mg/Nm^3	QTHT-40	<5,0	850
11	Hơi H_2SO_4(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 8	<1,30	50

Ghi chú:

- *QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;*
- *Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:*
  + Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.
  + Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
  $Cmax = C \times Kp \times Kv$. $Kp=1$, $Kv=1,0$;
- *<: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;*
- *Dấu (-): là không quy định;*
- *KPH: không phát hiện;*
- *(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;*

1. *Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)*
2. *Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;*
3. *Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm*

- *Chỉ tiêu số 8 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.*

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2026

NGƯỜI LẬP PHIẾU	CÁN BỘ QA/QC	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân Anh	Nguyễn Văn Nam	Lê Bảo Quân

1. *Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)*
2. *Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;*
3. *Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm*